

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HS-ST
Ngày 18 – 6- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn;
2. Bà Chu Thị Hồng Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Quang T, Sinh ngày 17/8/1974 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 18/10, ngõ 109, tổ 17, đường V, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Trần Văn G, ông G là thương binh và được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước và bà Phạm Thị A (đã chết), bà A được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Có vợ: Trần Thị L, sinh năm 1994.

* Tiền án:

- Bản án số 196/2012/HSST ngày 27/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trần Quang T 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2014, chấp hành xong án phí hình sự 08/8/2013.

- Bản án số 89/2016/HSST ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trần Quang T 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2020, chấp hành xong án phí hình sự 09/9/2016.

* Tiền sự: Không.

* Nhân thân: - Bản án số 81/2004/HSST ngày 09/7/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trần Quang T 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2004, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương tháng 4/2005 và đã thi hành xong trách nhiệm dân sự tháng 5/2005.

- Bản án số 31/2006/HSST ngày 21/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Trần Quang T 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2005, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương năm 2008, chấp hành xong án phí hình sự 12/9/2006. Đã được xóa án tích.

- Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 25/9/2008 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc áp dụng biện pháp đưa vào trung tâm, chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thành phố Thái Bình thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, thời gian chấp hành tại trung tâm từ ngày 04/4/2011 đến 04/4/2012.

- Quyết định xử phạt hành chính ngày 15/5/2008 của Công an thành phố Thái Bình đối với Trần Quang T bằng hình thức phạt cảnh cáo vì đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Quyết định xử phạt hành chính ngày 27/10/2010 của Công an tỉnh Thái Bình đối với Trần Quang T bằng hình thức phạt cảnh cáo vì đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984*

Nơi cư trú : Lô 146 khu tái định cư P, ngõ 257, đường Đ, tổ 5, phường X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

- Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số nhà 29, ngõ 96, đường Đ, tổ 4, phường X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

- Bà Tô Thị D, sinh năm 1962, trú tại Ô Mễ 2, xã Tân Phong, huyện Vũ Thư,

tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 08/12/2020, Trần Quang T đi bộ từ nhà ra đường V thì có một người nam giới theo T khai tên là H1 nhà ở huyện Đ, tỉnh Thái Bình (T quen H1 từ năm 2016 tại trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam) đang điều khiển xe máy dạng xe Wave không rõ biển số. Khi gặp nhau người nam giới tên H1 dừng xe và cùng T vào quán nước vệ đường ngồi nói chuyện, sau đó T rủ H1 đi tìm thân cây gỗ mục để trồng hoa lan. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đi đến khu vực chợ Bò Xuyên, thành phố Thái Bình thì nhìn thấy chị Phạm Thị H điều khiển xe máy điện đi vượt bên phải xe T. T nhìn thấy trong hộp đồ đồ phía dưới tay lái bên trái xe máy điện của chị H có để một chiếc điện thoại di động nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Khi thấy chị Hạnh dừng xe trước cửa và đi vào trong nhà tại lô 146, ngõ 257, khu tái định cư P, tổ 5, phường X, thành phố Thái Bình, T nói với H1 dừng xe gần xe máy điện của chị H. T ngồi sau xe quan sát xung quanh không thấy ai chú ý đến mình nên đã xuống xe đi lại dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s bản 32Gb, màu đen bạc, số IMEI 35495660756446443 trị giá 2.800.000 đồng ở trong hộp đồ xe máy điện của chị H rồi lên xe nói với H1 “chạy nhanh lên”. Lúc này quần chúng nhân dân phát hiện đuổi theo, khi H1 chở T chạy được khoảng 20 mét thì bị ngã. H1 dựng xe mô tô bỏ chạy còn T bị quần chúng nhân dân giữ lại đưa về trụ sở Công an phường Bò Xuyên, thành phố Thái Bình làm việc.

- Bản kết luận số 50 ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s bản 32Gb, màu đen bạc, số IMEI 35495660756446443 (đã qua sử dụng) trị giá: **2.800.000 đồng** (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSTPTB ngày 26/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như mô tả ở trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Trần Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam. Do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xử lý vật chứng, tài sản và trách nhiệm dân sự: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s bản 32Gb, màu đen bạc, số IMEI 35495660756446443 là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị H. Ngày 14/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Phạm Thị H. Chị Hạnh đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận về các vấn đề khác.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/12/2020 tại lô 146 khu Tái định cư P, ngõ 257, đường Đ, tổ 5, phường X, thành phố Thái Bình, Trần Quang T đã lợi dụng sơ hở của bị hại là chị Phạm Thị H để trộm cắp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s bản 32Gb, màu đen bạc, số IMEI 35495660756446443, trị giá: 2.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và gây lo lắng cho nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì lười lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Do khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm

tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Quang T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo mặc dù không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng có nhân thân xấu, do vậy cần phải quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét đến việc bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn; có bố đẻ và mẹ đẻ đều là người có công với cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Trong vụ án này T đi cùng một người nam giới nữa mà theo bị cáo Trần Quang T khai tên là H1 quê Đ là bạn quen nhau trên trại giam Nam Hà, tỉnh Hà

Nam cùng thực hiện hành vi trộm cắp với bị can T: Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh tại trại giam Nam Hà từ năm 2016 đến tháng 2/2020 đã quản lý phạm nhân Phạm Xuân H1, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Cơ quan điều tra đã triệu tập H1 lên làm việc, H1 khai không biết T và không cùng T trộm cắp tài sản. Tại thời điểm ngày 08/12/2020 H1 đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình. H1 chấp hành xong ngày 21/12/2020. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị can, người bị hại nhận dạng ảnh của Phạm Xuân H1, nhưng đều xác nhận không quen biết H1. Do vậy không đủ căn cứ xác định tên tuổi cụ thể người nam giới tên H1 đi cùng bị can T trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra tiếp tục đấu tranh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s bản 32Gb, màu đen bạc, số IMEI 35495660756446443 là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị H. Ngày 14/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Phạm Thị H. Chị H đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 25/3/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp Dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Bị cáo Trần Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/6/2021. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ CATP Thái Bình/Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền